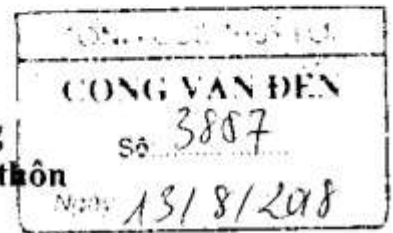


Số: 08 /2018/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2018

THÔNG TƯ
Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng
trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14/6/2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là NN và PTNT).

2. Thông tư này không áp dụng đối với công tác thi đua xét tặng Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam”, Danh hiệu “Doanh nghiệp vì nhà nông”.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng trong ngành NN và PTNT.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ là các tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trực tiếp quản lý, doanh nghiệp có vốn Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước.

2. Cơ quan, đơn vị thuộc Bộ là các tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ trực tiếp quản lý.

3. Cơ quan, đơn vị trong ngành là các cơ quan, đơn vị, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực NN và PTNT không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Tập thể được xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; quy định tại Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng (sau đây gọi là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP) và các quy định sau:

1. Không xét tặng danh hiệu thi đua định kỳ hàng năm đối với những tập thể, cá nhân không đăng ký chỉ tiêu thi đua hoặc phong trào thi đua.

2. Việc khen thưởng đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị căn cứ vào cả thành tích của cá nhân và thành tích chung của cơ quan, đơn vị do cá nhân đó phụ trách.

Điều 5. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được công nhận để xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Cá nhân có sáng kiến được công nhận theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến; Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Cá nhân là trưởng, phó, thư ký Ban chỉ đạo, Tổ biên tập văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chương trình, đề án phát triển ngành, lĩnh vực cấp bộ, ngành trở lên được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong niên độ xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

3. Cá nhân là chủ nhiệm hoặc đồng chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia chủ yếu đối với đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu đánh giá tốt, kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tiễn.

Điều 6. Xét công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng cấp Bộ, cấp toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học

1. Hội đồng sáng kiến Bộ xét, đề nghị Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ, cấp toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Tiến bộ kỹ thuật, công nghệ đã được công nhận theo quy định pháp luật hoặc đã được cấp Bằng Lao động sáng tạo của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Giải thưởng Sáng tạo Khoa học - Công nghệ Việt Nam (VIFOTEC), KOVALEVSKAYA.

Chương II

TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 7. Trình tự tổ chức phong trào thi đua

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức phong trào thi đua xác định rõ: mục đích, yêu cầu; phạm vi, đối tượng, tên phong trào và thời gian thực hiện; nội dung thi đua, các chỉ tiêu thi đua, tổ chức khối thi đua (nếu có) và biện pháp tổ chức thực hiện khả thi, phù hợp với thực tiễn.

2. Phát động thi đua được tổ chức sâu rộng bằng các hình thức phù hợp, thiết thực, hiệu quả tạo được sự hưởng ứng phong trào thi đua của các đối tượng liên quan.

3. Tổ chức thực hiện: tuyên truyền, khuyến khích, thu hút đông đảo cơ quan, đơn vị, cá nhân tham gia phong trào thi đua. Đối với phong trào thi đua có phạm vi rộng có thể tổ chức chỉ đạo điểm nhằm rút kinh nghiệm triển khai trên diện rộng; kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện phong trào thi đua, kịp thời phát hiện, điều chỉnh những nội dung chưa phù hợp với thực tiễn, đồng thời phát hiện, bồi dưỡng, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

4. Tổ chức sơ kết, tổng kết: đánh giá kết quả thực hiện, lựa chọn khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào thi đua.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong tổ chức triển khai phong trào thi đua

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phát động hưởng ứng các phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và phát động các phong trào thi đua của ngành. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm tham mưu, giúp Bộ trưởng phát động, tổ chức, thực hiện các phong trào thi đua trong ngành NN và PTNT.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, ngành có trách nhiệm phát động thi đua, tổ chức các phong trào thi đua và sơ kết, tổng kết phong trào thi đua thuộc đơn vị mình; phối hợp chặt chẽ với cấp ủy đảng và đoàn thể đồng cấp trong ngành NN và PTNT tổ chức, triển khai phong trào thi đua.

3. Trưởng khối thi đua có trách nhiệm chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện phong trào thi đua, tổ chức sơ kết, tổng kết phong trào thi đua trong khối.

4. Báo Nông nghiệp Việt Nam, Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; phát hiện, cổ vũ, phổ biến, nêu gương, nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trong phong trào thi đua; tham gia đấu tranh ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 9. Khối thi đua

1. Tổ chức Khối thi đua

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức các Khối thi đua thường xuyên hàng năm gồm: Khối thi đua các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và Khối thi đua các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo quyết định riêng của Bộ trưởng.

2. Hoạt động của Khối thi đua

a) Hội thảo, tọa đàm về thực hiện công tác thi đua khen thưởng, trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm quản lý phù hợp với thực tiễn của từng Khối;

b) Tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động của Khối;

c) Bầu Khối trưởng, Khối phó luân phiên hàng năm;

d) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ.

3. Quyền hạn, trách nhiệm của Khối trưởng

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch, nội dung và các chỉ tiêu thi đua để ký kết giao ước thi đua; quy chế hoạt động của Khối; các tiêu chí, thang điểm để chấm điểm, bình bầu danh hiệu thi đua;

b) Tổ chức ký kết giao ước thi đua, phát động phong trào thi đua trong Khối; phối hợp tổ chức các hoạt động chung trong Khối;

c) Chủ trì chấm điểm thi đua, bình chọn, suy tôn đơn vị có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Quyền hạn, trách nhiệm của Khối phó

a) Phối hợp với Khối trưởng xây dựng kế hoạch, chương trình và điều hành hoạt động của Khối;

b) Giải quyết công việc khi Khối trưởng ủy quyền.

5. Quyền hạn, trách nhiệm của thủ trưởng các thành viên trong Khối thi đua

a) Đăng ký nội dung, chỉ tiêu thi đua gửi Khối trưởng;

b) Tham gia xây dựng nội dung, các tiêu chí thi đua, thang điểm, đánh giá, triển khai thực hiện các nội dung đã ký kết giao ước thi đua; tổ chức phát động thi đua trong đơn vị;

c) Phổ biến, giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong Khối;

d) Tham gia đầy đủ và có trách nhiệm các hoạt động của Khối; báo cáo kết quả thực hiện phong trào thi đua; tự chấm điểm thi đua theo nội dung, tiêu chí thi đua đã đăng ký và gửi báo cáo cho Khối trưởng đúng thời gian quy định.

Chương III

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 10. Khen thưởng cấp Nhà nước

Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Điều 11. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua”

1. Tiêu chuẩn danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, cấp bộ, cấp toàn quốc phải có sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học đã được công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng tương ứng với danh hiệu chiến sĩ thi đua được đề nghị.

3. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” được thực hiện cùng với năm được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” lần thứ ba.

4. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề sau năm được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” lần thứ hai.

Điều 12. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc” thực hiện theo quy định tại Điều 27, 28 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

2. Bộ trưởng xét và quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc” đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ quy định đối tượng xét tặng và quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc” cho các tập thể thuộc đơn vị.

Điều 13. Danh hiệu “Cờ thi đua Bộ”

“Cờ thi đua Bộ” xét tặng cho các tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003, cụ thể như sau:

1. Xét tặng cho các tập thể được bình chọn, suy tôn là đơn vị dẫn đầu khối thi đua thường xuyên hàng năm do Bộ tổ chức. Số lượng tập thể được đề nghị tặng Cờ thi đua Bộ không quá 20% tổng số thành viên trong khối thi đua.

2. Xét tặng cho các tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng phát động và phong trào thi đua do các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ phát động có thời gian từ 3 năm trở lên. Việc xét tặng cờ thi đua của Bộ thực hiện vào dịp sơ kết, tổng kết phong trào thi đua.

Điều 14. Bằng khen của Bộ trưởng

“Bằng khen của Bộ trưởng” để tặng cho tập thể và cá nhân gương mẫu, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

1. Khen thưởng theo thành tích và công trạng

a) Cá nhân: đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Đối với công nhân, người lao động có 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao;

b) Tập thể: đạt tiêu chuẩn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề

Cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Bộ trưởng, Thủ tướng các cơ quan, đơn vị trong ngành phát động hoặc hưởng ứng phong trào thi đua do cấp trên phát động.

3. Khen thưởng đột xuất

Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc đột xuất ngoài nhiệm vụ thường xuyên được giao.

4. Khen thưởng đối ngoại

Cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự phát triển của ngành NN và PTNT.

5. Các trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng xem xét quyết định.

Điều 15. Giấy khen của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

Giấy khen của thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện theo quy định tại khoản 42 Điều 1 Luật thi, khen thưởng năm 2013 và Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn”

1. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn” (sau đây viết tắt là Kỷ niệm chương) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét tặng một lần cho cá nhân có quá trình cống hiến hoặc có đóng góp cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam, không vi phạm pháp luật đến mức bị xử lý kỷ luật, cụ thể như sau:

a) Cá nhân đang công tác hoặc đã nghỉ hưu thuộc các cơ quan, đơn vị trong ngành có thời gian công tác trong ngành từ 15 năm trở lên đối với nữ, từ 20 năm trở lên đối với nam.

Đối với cá nhân chuyển chuyên công tác vào ngành NN và PTNT có tổng thời gian công tác 20 năm trở lên đối với nam, 15 năm trở lên đối với nữ, trong đó thời gian công tác trong ngành NN và PTNT từ 10 năm trở lên đối với nam, 7 năm trở lên đối với nữ;

b) Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Lãnh đạo tổng cục, vụ, cục và tương đương trực thuộc Bộ có thời gian giữ chức vụ lãnh đạo từ 5 năm trở lên đối với cấp trưởng và 7 năm trở lên đối với cấp phó.

Lãnh đạo cục, vụ và tương đương thuộc Tổng cục và tương đương có thời gian giữ chức vụ lãnh đạo trong ngành từ 7 năm trở lên đối với cấp trưởng và 9 năm trở lên đối với cấp phó;

d) Cá nhân đang công tác trong ngành NN và PTNT được phong tặng danh hiệu “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”, “Anh hùng Lao động”, “Giáo sư”, “Nhà giáo nhân dân”, “Thầy thuốc nhân dân”, “Nghệ nhân nhân dân”;

d) Cá nhân đang công tác trong ngành NN và PTNT được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Phó Giáo sư”, “Nhà giáo ưu tú”, “Thầy thuốc ưu tú”, “Nghệ nhân ưu tú” được xét tặng sớm hơn 5 năm so với quy định chung;

e) Chủ nhiệm (giám đốc) Hợp tác xã nông nghiệp liên tục 10 năm trở lên;

g) Chủ trang trại, chủ Doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp 5 năm liên tục được cấp huyện, quận, thị xã trở lên công nhận là chủ trang trại, doanh nghiệp sản xuất kinh doanh giỏi;

h) Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và lãnh đạo các Bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, lãnh đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có công lao, thành tích trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo góp phần vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn;

i) Cá nhân có phát minh, sáng chế, công trình nghiên cứu khoa học đạt giải thưởng Nhà nước về lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

k) Cá nhân người nước ngoài có đóng góp tích cực đối với ngành NN và PTNT;

l) Các trường hợp đặc biệt khác do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Không xét tặng Kỷ niệm chương “Vi sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn” đối với cá nhân đang công tác trong ngành hoặc đã nghỉ hưu mà đã được tặng một trong những Huy chương hoặc Kỷ niệm chương: “Vi sự nghiệp phát triển Nông nghiệp”; “Vi sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng”; “Vi sự nghiệp phát triển ngành Thủy lợi Việt Nam”; “Vi sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”; “Vi sự nghiệp Nghề Cá”; “Vi sự nghiệp phát triển ngành Thủy sản”.

Điều 17. Bức trưởng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Bộ trưởng xét, tặng Bức trưởng cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố; các Hội, Hiệp hội ngành nghề trong ngành NN và PTNT nhân dịp kỷ niệm ngày truyền thống năm tròn (10 năm), năm lẻ (05 năm) hoặc đại hội nhiệm kỳ.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG, HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 18. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ do Bộ trưởng quyết định thành lập.
2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ gồm:
 - a) Chủ tịch: Bộ trưởng;
 - b) Phó chủ tịch thứ nhất: Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua khen thưởng;
 - c) Phó chủ tịch thường trực: Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;
 - d) Phó chủ tịch: Chủ tịch Công đoàn Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;
 - đ) Các ủy viên là thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ;
 - e) Thường trực Hội đồng gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch và một số ủy viên khác do Bộ trưởng quyết định.
3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Nghị định 91/2017/NĐ-CP.
4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ

Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số. Tại các phiên họp Hội đồng phải có ít nhất 2/3 thành viên tham dự trở lên. Trường hợp vắng mặt phải báo cáo người chủ trì phiên họp, nếu được đồng ý thì cử người dự họp thay. Người đi họp thay được tham gia ý kiến và biểu quyết các nội dung thảo luận của Hội đồng. Người vắng mặt và người cử dự họp thay chịu trách nhiệm đối với những ý kiến tham gia và biểu quyết tại phiên họp Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng có thể mời đại diện cơ quan, đơn vị liên quan tham dự phiên họp Hội đồng, người được mời họp được tham gia ý kiến nhưng không được biểu quyết.
5. Phương thức hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ
 - a) Tại các phiên họp, Hội đồng xem xét quyết định việc xét tặng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng bằng hình thức bỏ phiếu kín. Đối với các nội dung khác thực hiện theo kết luận của người chủ trì phiên họp.

Trường hợp đột xuất, Hội đồng có thể họp bất thường do Chủ tịch Hội đồng triệu tập;

b) Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong trường hợp không thể tổ chức họp Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng quyết định việc xin ý kiến từng thành viên bằng văn bản.

Điều 19. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở

a) Tham mưu, tư vấn về công tác thi đua khen thưởng;

b) Xét chọn những tập thể, cá nhân trong và ngoài ngành có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn, đề nghị thủ trưởng cơ quan, đơn vị khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng theo quy định.

Điều 20. Hội đồng sáng kiến Bộ

1. Hội đồng sáng kiến Bộ do Bộ trưởng quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

2. Thành phần Hội đồng sáng kiến Bộ gồm:

a) Chủ tịch: Là 01 Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ;

b) Phó chủ tịch và các ủy viên khác do Bộ trưởng quyết định.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng

Xét, đánh giá hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ, cấp toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng sáng kiến Bộ

Hội đồng sáng kiến cấp Bộ làm việc theo chế độ tập thể, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Các phiên họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên chính thức có mặt mới được coi là họp lệ. Thành viên vắng mặt cử người dự họp thay phải báo cáo và được sự nhất trí của Chủ tịch Hội đồng; người họp thay được quyền tham gia ý kiến và bỏ phiếu tại phiên họp. Thành viên vắng mặt không cử người dự họp thay phải cho ý kiến bằng văn bản gửi thường trực Hội đồng để tổng hợp kết quả chung.

Tại các phiên họp, khi cần thiết Hội đồng có thể mời đại diện cơ quan, đơn vị chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến sáng kiến, đề tài.

5. Phương thức hoạt động của Hội đồng sáng kiến Bộ

Hội đồng tổ chức các phiên họp định kỳ, thống nhất quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quyết định tổ chức phiên họp đột xuất.

Trường hợp không thể tiến hành họp Hội đồng, Chủ tịch Hội đồng quyết định việc xin ý kiến từng thành viên bằng văn bản.

Điều 21. Hội đồng sáng kiến cơ sở

1. Hội đồng sáng kiến cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng.

Chủ tịch, các thành viên Hội đồng do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng

a) Tiếp nhận, xem xét đơn và quyết định công nhận sáng kiến;

b) Thẩm định xét, trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học;

c) Xét, trình Hội đồng sáng kiến cấp Bộ xét công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ, cấp toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học đối với các cá nhân của cơ quan, đơn vị.

Điều 22. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Hội đồng sáng kiến

1. Vụ Tổ chức cán bộ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ, Hội đồng sáng kiến Bộ.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ phân công tổ chức hoặc cá nhân là thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng sáng kiến phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị.

Chương V

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TUYỂN TRÌNH KHEN THƯỞNG, HỒ SƠ, TRÌNH TỰ XÉT DUYỆT VÀ TỔ CHỨC TRAO TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 23. Thẩm quyền của Bộ trưởng

1. Xét trình Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Huân chương các loại, danh hiệu Anh hùng Lao động và các hình thức khen thưởng khác theo quy định.

2. Quyết định tặng thưởng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc” cho các đơn vị trực thuộc Bộ. Tặng Cờ thi đua của Bộ, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp Bộ, Bằng khen của Bộ trưởng, Kỷ niệm chương, Bức trưng.

3. Hiệp y khen thưởng theo đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

Điều 24. Tuyển trình khen thưởng

Thực hiện theo Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Cấp trên chỉ tổ chức xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng khi nhận được hồ sơ đề nghị khen thưởng của cấp dưới trực tiếp; không nhận và xét hồ sơ gửi vượt cấp.

2. Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, quỹ lương thì cấp đó khen thưởng hoặc trình cấp trên xét khen thưởng.

3. Khen thưởng theo chuyên đề, đột xuất do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ; thủ trưởng các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội, Hiệp hội hoạt động trong ngành NN và PTNT đề nghị hoặc trình Bộ khen thưởng.

4. Đối với các tập thể, cá nhân ngoài ngành do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố, Chủ tịch Hội, Hiệp hội hoạt động trong ngành NN và PTNT có quá trình phối hợp hoạt động trình Bộ khen thưởng.

Vụ Hợp tác quốc tế là đơn vị đầu mối tổng hợp hồ sơ trình Bộ xét khen thưởng đối với tổ chức quốc tế và cá nhân là người nước ngoài.

Điều 25. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị (hoặc Trường khởi thi đua) theo mẫu số 2 phụ lục kèm theo Thông tư này;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của đơn vị theo mẫu số 3 phụ lục kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng thực hiện theo các mẫu từ số 01 đến số 09 phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể:

Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; Cờ thi đua và Bằng khen cấp Bộ; Tập thể Lao động xuất sắc; Giấy khen đối với tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ công tác (theo mẫu số 1).

Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Chiến sỹ thi đua toàn quốc; Chiến sỹ thi đua, Bằng khen cấp Bộ và Giấy khen đối với cá nhân có thành tích thực hiện nhiệm vụ công tác (theo mẫu số 2).

Báo cáo thành tích đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương cho cá nhân có quá trình cống hiến trong các tổ chức, cơ quan và đoàn thể (theo mẫu số 3).

Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng danh hiệu Anh hùng cho tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác (theo mẫu số 4).

Báo cáo thành tích đề nghị phong tặng (truy tặng) danh hiệu Anh hùng cho cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác (theo mẫu số 5).

Báo cáo thành tích đề nghị tặng Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ; Giấy khen cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đột xuất (theo mẫu số 6).

Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng theo đợt thi đua hoặc theo chuyên đề cho tập thể, cá nhân (theo mẫu số 7).

Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị, Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ và Giấy khen cho tổ chức nước ngoài (theo mẫu số 8).

Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng Huân chương Hữu nghị, Huy chương Hữu nghị, Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen cấp Bộ và Giấy khen cho cá nhân nước ngoài (theo mẫu số 9)

Số lượng hồ sơ: 01 bản chính đối với đề nghị khen thưởng cấp Bộ; 03 bản chính đối với đề nghị khen thưởng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 04 bản chính đối với đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự Nhà nước;

d) Xác nhận thuế; xác nhận về việc thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền đối với đơn vị, thủ trưởng các đơn vị thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước (Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc). Số năm xác nhận tương ứng với số năm đề nghị trong báo cáo thành tích xét khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị Bằng khen Bộ trưởng đối với một số trường hợp đặc biệt gồm Tờ trình và danh sách trích ngang tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng của Thường trực Hội đồng.

3. Hồ sơ đề nghị xét, công nhận phạm vi ảnh hưởng cấp bộ, cấp toàn quốc của sáng kiến 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Tờ trình của Thủ trưởng đơn vị theo mẫu số 4 phụ lục kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận sáng kiến (bản sao chụp);

c) Báo cáo kết quả ứng dụng của sáng kiến theo mẫu số 5 phụ lục kèm theo Thông tư này;

d) Giấy xác của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền công nhận ứng dụng của sáng kiến (nếu có).

4. Hồ sơ đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình kèm theo danh sách trích ngang các cá nhân đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương của Thủ trưởng đơn vị theo mẫu số 2 phụ lục kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo quá trình công tác đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân theo mẫu số 6, 7, 8, 9 phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 26. Nơi nhận hồ sơ, thời gian nhận hồ sơ và thông báo kết quả

1. Nơi nhận hồ sơ

Các cơ quan, đơn vị gửi trình hồ sơ khen thưởng trực tiếp hoặc qua bưu điện bằng văn bản về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Vụ Tổ chức cán bộ), đồng thời gửi file điện tử qua phần mềm Quản lý công tác thi đua, khen thưởng ngành NN và PTNT (địa chỉ truy cập <http://tdktbnn.com> và <http://tdktbnn.com/admin/>). Hồ sơ đề nghị khen thưởng đủ điều kiện để thẩm định khi Vụ Tổ chức cán bộ nhận được cả bản giấy và bản điện tử.

2. Thời gian nhận hồ sơ (tính theo dấu bưu điện hoặc phiếu xử lý công văn đến của Bộ)

a) Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua thường xuyên hàng năm trước ngày 31/01 hàng năm;

b) Hồ sơ khen thưởng theo thành tích và công trạng trước ngày 28/2 hàng năm. Hồ sơ khen thưởng khối trường trước ngày 15/8 hàng năm;

c) Hồ sơ đề nghị xét công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng cấp bộ, cấp toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học nhận 2 đợt: đợt 1 trước ngày 31/01 hàng năm; đợt 2 trước ngày 15/8 hàng năm;

d) Các hình thức khen thưởng khác: không quy định thời gian.

3. Thông báo kết quả

a) Trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định khen thưởng, Thường trực Hội đồng thông báo kết quả cho đơn vị trình khen thưởng;

b) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng, Thường trực Hội đồng thông báo bằng văn bản cho đơn vị đề nghị khen thưởng trong phạm vi 10 ngày làm việc kể từ khi có kết luận của cấp có thẩm quyền.

Điều 27. Trình tự xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, Hiệp y khen thưởng

1. Khen thưởng theo thành tích và công trạng, cống hiến, khen thưởng đột xuất và theo chuyên đề: Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị của đơn vị, Thường trực Hội đồng thẩm định hồ sơ, thành tích, xin ý kiến của cơ quan, đơn vị liên quan (nếu có), trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Bộ họp xét hoặc lấy ý kiến bằng văn bản các thành viên Hội đồng, tổng hợp kết quả trình Bộ trưởng xem xét quyết định.

2. Khen thưởng Kỷ niệm chương, Bức trướng: Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị của đơn vị, Thường trực Hội đồng thẩm định hồ sơ, thành tích, tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

3. Hiệp y khen thưởng: Thường trực Hội đồng tổng hợp, thẩm định, lấy ý kiến bằng văn bản các cơ quan, đơn vị chuyên ngành có liên quan, trình Bộ trưởng quyết định.

4. Thời gian thẩm định hồ sơ, xét khen thưởng thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 28. Tổ chức trao tặng

Thực hiện theo Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29/10/2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài và theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 29. Quản lý, lưu trữ hồ sơ thi đua, khen thưởng

1. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03/6/2011 của Bộ Nội vụ về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của cấp mình; Vụ Tổ chức cán bộ lưu trữ hồ sơ thi đua khen thưởng của Bộ.

2. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đảm bảo điều kiện trang thiết bị, áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa quản lý công tác thi đua, khen thưởng, theo dõi, tổng hợp, nghiên cứu, tra cứu, xác nhận.

Chương VI

LẬP, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 30. Nguồn và mức trích quỹ thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Quỹ thi đua khen thưởng của Bộ được trích lập từ dự toán chi ngân sách hàng năm được cấp có thẩm quyền giao và từ nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho mục đích thi đua khen thưởng và từ nguồn hợp pháp khác. Bộ ban hành qui định riêng về mức trích lập và sử dụng Quỹ thi đua khen thưởng của Bộ theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ thi đua khen thưởng của các đơn vị trực thuộc Bộ tối đa bằng 20% tổng quỹ tiền lương theo ngạch, bậc của cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế, tiền công được duyệt cả năm và đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 31. Quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ

Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định 91/2017/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Hàng năm, Vụ trưởng Vụ Tài chính trình Bộ trưởng phê duyệt dự toán thu, chi Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ.

2. Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với Văn phòng Bộ tham mưu trình Bộ trưởng việc trích lập, quản lý, sử dụng và quyết toán Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ theo quy định của pháp luật. Số dư Quỹ thi đua, khen thưởng cuối năm chưa sử dụng được chuyển sang năm sau.

3. Nội dung chi Quỹ thi đua, khen thưởng

a) Tổ chức các cuộc họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng sáng kiến cấp Bộ;

b) Xây dựng, tổ chức phát động và triển khai các phong trào thi đua;

c) Tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng; ký kết giao ước thi đua; hội nghị sơ kết, tổng kết, tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến;

d) Chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân (hưởng quỹ lương của Văn phòng Bộ) được khen thưởng và chi tiền thưởng cho các trường hợp được khen thưởng đột xuất và chuyên đề;

đ) Chi mua sắm hiện vật khen thưởng và các vật phẩm khác phục vụ công tác thi đua khen thưởng;

e) Chi công tác phí và các khoản chi hành chính khác phục vụ công tác thi đua, khen thưởng của Bộ, ngành.

Điều 32. Quy định chi thưởng

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân thuộc biên chế, quỹ lương do cấp mình quản lý và hạch toán theo quy định.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

1. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Các đơn vị trong ngành có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư này.

3. Báo cáo công tác thi đua khen thưởng

a) Hàng năm, các cơ quan, đơn vị thuộc ngành tổ chức đánh giá công tác thi đua, khen thưởng, bình xét khen thưởng năm và gửi báo cáo về Bộ chậm nhất là ngày 15 tháng 12;

b) Các cơ sở đào tạo thuộc Bộ tổng kết, đánh giá công tác thi đua, khen thưởng theo năm học, gửi báo cáo về Bộ chậm nhất là ngày 15 tháng 8;

c) Các cơ quan, đơn vị trong ngành phát động phong trào thi đua có trách nhiệm sơ kết, tổng kết, bình xét thi đua và gửi báo cáo sơ kết, tổng kết về Bộ.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 9 năm 2018.

2. Thay thế Thông tư số 47/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn công tác thi đua và khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bãi bỏ Quyết

định số 89/2008/QĐ-BNN ngày 25/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kỷ niệm chương và Quy chế xét tặng “Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn”.

3. Trường hợp các quy định của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và các văn bản quy phạm pháp luật khác được dẫn chiếu trong Thông tư này có thay đổi thì các quy định tương ứng của Thông tư này được thay đổi theo./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng: Trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Ban Thi đua khen thưởng Trung ương;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ NN và PTNT;
- Các đơn vị thuộc Bộ NN và PTNT;
- Công đoàn NN và PTNTVN;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN và PTNT (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCCB.

**KT BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



[Handwritten signature]

Hà Công Tuấn

PHỤ LỤC
CÁC MẪU VĂN BẢN HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

(Kèm theo Thông tư Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



| | |
|----------|---|
| Mẫu số 1 | Công văn đăng ký thi đua |
| Mẫu số 2 | Tờ trình đề nghị khen thưởng của Thủ trưởng đơn vị |
| Mẫu số 3 | Biên bản họp Hội đồng thi đua khen thưởng của đơn vị |
| Mẫu số 4 | Tờ trình đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng sáng kiến |
| Mẫu số 5 | Báo cáo kết quả áp dụng của sáng kiến |
| Mẫu số 6 | Báo cáo quá trình công tác đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân trong ngành |
| Mẫu số 7 | Báo cáo quá trình công tác đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho cá nhân ngoài ngành |
| Mẫu số 8 | Báo cáo công lao đóng góp cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài |
| Mẫu số 9 | Báo cáo công lao đóng góp cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương cho Chủ trang trại, Chủ doanh nghiệp tư nhân, Giám đốc Hợp tác xã |

✍

Mẫu số 1:

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....
V/v đăng ký danh hiệu thi đua
năm

(Địa danh), ngày tháng năm

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Trường khối thi đua.....

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng và Thông tư số ngày.....của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Tên đơn vị)... đăng ký các danh hiệu thi đua cho tập thể, cá nhân trong năm như sau:

I. Tập thể

1. Tập thể Lao động xuất sắc cho.....tập thể.
2. Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho...tập thể.
3. Cờ thi đua của Chính phủ cho... tập thể.

II. Cá nhân:

1. Chiến sỹ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho... cá nhân.
2. Chiến sỹ thi đua toàn quốc cho... cá nhân.

(Gửi kèm theo danh sách tập thể, cá nhân đăng ký thi đua)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đối với danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" đã được Bộ trưởng ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị quyết định khen thưởng thì không tổng hợp vào danh sách này mà lưu tại đơn vị.
- Đối với danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến", "Chiến sỹ thi đua cơ sở" các đơn vị tổ chức đăng ký thi đua cho tập thể, cá nhân của đơn vị và lưu theo quy định.

Mẫu số 2:

DƠN VỊ CẤP TRÊN
DƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TT-.....

(Địa danh), ngày.....tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH
V/v Đề nghị khen thưởng

Kính gửi :

Thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Thông tư số/2018/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thủ trưởng đơn vị, (Tên đơn vị) kính trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét khen thưởng (hoặc đề nghị khen thưởng) cho các tập thể và cá nhân sau (có danh sách kèm theo):

I. Đề nghị Bộ trưởng khen thưởng:

1. Tập thể Lao động xuất sắc cho tập thể.
2. Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho ... tập thể.
3. Chiến sỹ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho ... cá nhân.
4. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho ... tập thể và... cá nhân.

.....
II. Đề nghị Bộ trưởng trình khen thưởng:

1. Chiến sỹ thi đua toàn quốc cho..... cá nhân.
2. Cờ thi đua của Chính phủ cho..... tập thể.
3. Huân chương.....hạng.....cho....tập thể và.... cá nhân.
4. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho....tập thể và cá nhân.

.....
(Thủ trưởng đơn vị đề nghị) kính trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, khen thưởng (hoặc đề nghị khen thưởng) ./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Ghi chú: Bỏ khoản 1 mục I đối với đơn vị được Bộ trưởng ủy quyền khen thưởng?

Mẫu số 3:

**ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ
HỘI ĐỒNG TĐKT**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(Địa danh), ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN HỌP

Hội đồng thi đua khen thưởng (Tên đơn vị).....

Ngày.....thángnăm....., Hội đồng Thi đua Khen thưởng (Tên đơn vị) đã họp dưới sự chủ trì của (họ và tên, chức danh người chủ trì).

- Thành phần dự họp:

1. (họ và tên, chức danh).....;

2.;

3. Thư ký;

- Nội dung họp:

.....

- Kết luận:

Sau khi xét thành tích và cân đối chung trong đơn vị, Hội đồng Thi đua Khen thưởng (Tên đơn vị) nhất trí đề nghị (Thủ trưởng đơn vị) xem xét khen thưởng và trình (Thủ trưởng đơn vị cấp trên) xét khen thưởng cho các tập thể, cá nhân sau:

I. Danh hiệu thi đua:

1. “Tập thể lao động tiên tiến” cho ... tập thể, gồm:

- (Tên tập thể được đề nghị)....

2. “Tập thể lao động xuất sắc” cho ... tập thể, gồm:

- (Tên tập thể được đề nghị)....

3. “Cờ thi đua của Chính phủ” chotập thể, gồm:

- (Tên tập thể được đề nghị)....

4. “Cờ thi đua của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” cho... tập thể, gồm:

- (Tên tập thể được đề nghị).....

5. “Lao động tiên tiến” cho ... cá nhân, gồm:

- (Tên cá nhân được đề nghị).....

6. Chiến sĩ thi đua toàn quốc cho ... cá nhân, gồm:

- (Tên cá nhân được đề nghị).....



7. Chiến sĩ thi đua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho ... cá nhân, gồm:

- (Tên cá nhân được đề nghị)....

8. Chiến sĩ thi đua cơ sở cho ... cá nhân, gồm:

- (Tên cá nhân được đề nghị)....

II. Hình thức khen thưởng:

1. Huân chương hạng cho ... tập thể và ... cá nhân, gồm:

- (Tên tập thể hoặc cá nhân được đề nghị)....

2. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho ... tập thể và ... cá nhân, gồm:

- (Tên tập thể hoặc cá nhân được đề nghị)....

3. Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho ... tập thể và ... cá nhân, gồm:

- (Tên tập thể và cá nhân được đề nghị)....

4. Giấy khen của Thủ trưởng đơn vị cho ... tập thể và ... cá nhân, gồm:

- (Tên tập thể và cá nhân được đề nghị)....

Biên bản này làm cơ sở để lập tờ trình trình cấp trên xét khen thưởng./

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký tên, ghi họ và tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký tên, ghi họ và tên, chức danh)

Lưu ý: Không được viết tắt tên tập thể và cá nhân, chức danh, chức vụ



Mẫu số 4:

ĐƠN VỊ CẤP TRÊN
ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ

Số:/TTTr-.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh), ngày.....tháng..... năm.....

TỜ TRÌNH

**V/v đề nghị công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng cấp ⁽¹⁾ ...
của sáng kiến**

Kính gửi: Hội đồng sáng kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Thông tư số/2018/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện Biên bản họp Hội đồng sáng kiến (tên đơn vị)

.....(Tên đơn vị) đề nghị Hội đồng sáng kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét, đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng cấp ⁽¹⁾ cho ⁽²⁾ sáng kiến (có danh sách kèm theo):

Kính đề nghị Hội đồng sáng kiến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
xét duyệt./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên đóng dấu)

Ghi chú:

⁽¹⁾ Cấp bộ, cấp toàn quốc

⁽²⁾ Số lượng sáng kiến đề nghị

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người lập bảng
(Ký, ghi rõ họ và tên)

| TT | Tên, chức vụ, đơn vị công tác | Tên sáng kiến | Tóm tắt nội dung sáng kiến | Hiệu quả, phạm vi áp dụng |
|-----|-------------------------------|---------------|----------------------------|---------------------------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

DANH SÁCH CẢ NHẬN CỘ SÁNG KIẾN
ĐỀ NGHỊ XÉT CÔNG NHẬN PHẠM VI ẢNH HƯỞNG, MỨC ĐỘ ÁP DỤNG CẤP....
(Kèm theo Tờ trình số/TT-..... ngày ... tháng ... năm của (tên đơn vị).....)

✓

Mẫu số 5:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Kết quả áp dụng của sáng kiến

I. SƠ LƯỢC LÝ LỊCH

- Họ tên: _____ Giới: _____
- Sinh ngày: _____
- Quê quán: _____
- Đơn vị công tác: _____
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: _____
- Học hàm, học vị: _____

* Nếu là nhóm tác giả (khai theo bảng dưới)

| TT | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Nơi công tác (hoặc nơi thường trú) | Chức danh | Trình độ chuyên môn | Tỷ lệ (%) đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến (ghi rõ đối với từng đồng tác giả, nếu có) |
|----|-----------|---------------------|------------------------------------|-----------|---------------------|---|
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

II. KẾT QUẢ ÁP DỤNG CỦA SÁNG KIẾN

1. Tên sáng kiến:

Ghi rõ tên sáng kiến, số quyết định, ngày tháng năm và tên cơ quan có thẩm quyền quyết định công nhận sáng kiến.

2. Lĩnh vực áp dụng:

Ghi rõ lĩnh vực áp dụng: nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản, điện tử, viễn thông, xây dựng, dịch vụ.....

3. Hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến:

3.1. Lợi ích thu được do áp dụng sáng kiến:

Ghi rõ hiệu quả kinh tế (như nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật, giá trị làm lợi về kinh tế quy ra VND....) hoặc lợi ích xã hội (như nâng cao điều kiện

2+

an toàn lao động, cải thiện môi trường, điều kiện làm việc, giải quyết việc làm....) do áp dụng sáng kiến mang lại.

3.2. Nêu rõ phạm vi áp dụng của sáng kiến:

Ghi rõ số lượng, diện tích, thời gian, không gian đã áp dụng của sáng kiến.

4. Danh sách tập thể, cá nhân đã tham gia áp dụng thử hoặc áp dụng sáng kiến (nếu có)

Ghi rõ tên, địa chỉ của tập thể, cá nhân đã tham gia áp dụng.



**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ XÁC
NHẬN, ĐỀ NGHỊ**
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI BÁO CÁO
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 6: Áp dụng cho cá nhân trong ngành

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC
Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương
“Vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”

I. Sơ lược tiểu sử bản thân:

- Họ và tên: *(Ghi bằng chữ in hoa)* Giới tính:
- Sinh ngày tháng năm
- Chức vụ *(chức danh)*:
- Đơn vị công tác:
- Ngày / tháng / năm bắt đầu vào làm việc trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:
- Tổng số năm đã công tác trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:
- Quá trình được khen thưởng: *Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Huân chương các loại (ghi rõ quyết định, ngày tháng năm).*

II. Tóm tắt quá trình công tác:

| Thời gian công tác <i>(từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)</i> | Chức vụ, đơn vị công tác | Tổng cộng số năm công tác trong ngành | Ghi chú <i>(các tiêu chuẩn đặc cách được áp dụng)</i> |
|--|---------------------------------|--|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Xác nhận của Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

Người khai
(ký tên)

Ghi chú: Không viết tắt chức vụ, chức danh

Mẫu số 7: Áp dụng cho cá nhân ngoài ngành

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương
"Vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn"

I. Sơ lược tiểu sử bản thân:

- Họ và tên: *(Ghi bằng chữ in hoa)* Giới tính:
- Sinh ngày tháng năm
- Chức vụ *(chức danh)*:
- Đơn vị công tác:
- Ngày / tháng / năm bắt đầu vào làm việc trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: ngày / tháng / năm chuyển đi; ngày / tháng / năm chuyển trở lại.
- Tổng số năm đã công tác trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:
- Quá trình được khen thưởng: *Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Huân chương các loại (ghi rõ quyết định, ngày tháng năm).*

II. Tóm tắt công lao đóng góp cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

| Thời gian <i>(từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)</i> | Nghề nghiệp <i>(làm gì ?)</i> | Đóng góp cho ngành | Ghi chú <i>(các tiêu chuẩn đặc cách được áp dụng)</i> |
|---|---|-------------------------------|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

**Xác nhận của Thủ trưởng
cơ quan, đơn vị đề nghị**
(ký tên, đóng dấu)

Người khai
(ký tên)

Ghi chú: Không viết tắt chức vụ, chức danh.

Mẫu số 8: Áp dụng cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

BÁO CÁO THÀNH TÍCH CÁ NHÂN

Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương
"Vĩ sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn"

I. Sơ lược tiểu sử bản thân:

- Họ và tên: *(Ghi bằng chữ in hoa)* Giới tính:
- Sinh ngày tháng năm Quốc tịch
- Nơi cư trú: *(ở nước ngoài; ở Việt Nam)*
- Chức vụ *(chức danh)*:
- Nơi làm việc:

II. Tóm tắt công lao đóng góp cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam:

| Thời gian <i>(từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)</i> | Làm việc gì? Tại đơn vị nào? | Mối quan hệ và đóng góp cho ngành | Ghi chú <i>(các tiêu chuẩn đặc cách được áp dụng)</i> |
|---|---|--|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

**Xác nhận của Thủ trưởng
cơ quan, đơn vị đề nghị**
(ký tên, đóng dấu)

Người khai
(ký tên)

Ghi chú: Không viết tắt chức vụ, chức danh.

Mẫu số 9: Áp dụng cho chủ nhiệm (giám đốc) Hợp tác xã, chủ trang trại, chủ Doanh nghiệp tư nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày tháng năm

BÁO CÁO THÀNH TÍCH CÁ NHÂN

*Đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương
"Vì sự nghiệp Nông nghiệp và Phát triển nông thôn"*

I. Sơ lược tiểu sử bản thân:

- Họ và tên: *(Ghi bằng chữ in hoa)* Giới tính:
- Sinh ngày tháng năm
- Nơi cư trú:
- Tổng số năm đã đóng góp cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:
- Quá trình được khen thưởng: *Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Huân chương các loại (ghi rõ quyết định, ngày tháng năm).*

II. Tóm tắt công lao đóng góp cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam:

| Thời gian <i>(từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)</i> | Nghề nghiệp <i>(làm gì?)</i> | Đóng góp cho ngành | Ghi chú <i>(các tiêu chuẩn đặc cách được áp dụng)</i> |
|---|--|---------------------------|---|
| | | | |
| | | | |
| | | | |
| | | | |

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đề nghị
(ký tên, đóng dấu)

Người khai
(ký tên)

Ghi chú: Không viết tắt chức vụ, chức danh.